

Số: 5241 /BC-UBND

Điện Biên, ngày 20 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2017/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 quy định về thời gian gửi báo cáo, mẫu biểu đảm bảo lập kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán và thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương các cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ mười về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-KTNN ngày 26/3/2024 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh Điện Biên; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Điện Biên. Công văn số 112/KTNN-TH ngày 18/7/2024 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi BCKT ngân sách địa phương năm 2023 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 của tỉnh Điện Biên;

Thực hiện các quy định của Luật ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và trình HĐND tỉnh Báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 như sau:

A. TỔNG QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2023: **1 nghìn 578 tỷ 938 triệu đồng**, đạt 99% dự toán Trung ương giao và 65% Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt thấp so với Nghị quyết HĐND tỉnh giao chủ yếu là do số thu tiền sử dụng đất (địa phương giao tăng 800 tỷ đồng so với trung ương giao) và thuế bảo vệ môi trường không đạt dự toán giao (do mặt hàng xăng, dầu giảm thuế theo Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15). Cụ thể như sau:

1. Thu nội địa: 1 nghìn 505 tỷ 418 triệu đồng, đạt 96% dự toán Trung ương giao và 62% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

Chi tiết từng khoản thu như sau:

1.1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý: **222 tỷ 311 triệu đồng**, đạt 100% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.2. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: **7 tỷ 989 triệu đồng**, đạt 107% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: **2 tỷ 218 triệu đồng**, đạt 444% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: **401 tỷ 327 triệu đồng**, đạt 115% dự toán Trung ương giao và đạt 104% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.5. Thuế thu nhập cá nhân: **63 tỷ 203 triệu đồng**, đạt 100% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.6. Thuế bảo vệ môi trường: **101 tỷ 410 triệu đồng**, đạt 56% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.7. Lệ phí trước bạ: **73 tỷ 891 triệu đồng**, đạt 99% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.8. Phí và lệ phí: **38 tỷ 376 triệu đồng**, đạt 124% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: **3 tỷ 448 triệu đồng**, đạt 115% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.10. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: **57 tỷ 165 triệu đồng**, đạt 143% dự toán Trung ương giao và đạt 119% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.11. Thu tiền sử dụng đất: **369 tỷ 182 triệu đồng**, đạt 74% dự toán Trung ương giao và đạt 28% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.12. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: **21 triệu đồng**.

1.13. Thu hoạt động xổ số kiến thiết: **31 tỷ 928 triệu đồng**, đạt 91% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.14. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: **23 tỷ 613 triệu đồng**, đạt 157% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.15. Thu khác ngân sách: **103 tỷ 099 triệu đồng**, đạt 206% dự toán Trung ương và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.16. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: **3 tỷ 786 triệu đồng**, đạt 126% dự toán Trung ương và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1.17. Thu hồi vốn, thu cổ tức: **2 tỷ 450 triệu đồng**, đạt 817% dự toán Trung ương và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

2. Thu hải quan: 25 tỷ 278 triệu đồng, đạt 126% dự toán Trung ương giao và Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

3. Thu viện trợ: 4 tỷ 514 triệu đồng, trong đó thu viện trợ của NSDP 597 triệu đồng do Quỹ Loan-Stiftung tài trợ cho huyện Điện Biên để xây dựng trường lớp học.

4. Các khoản huy động đóng góp: 43 tỷ 727 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí ủng hộ bắn pháo hoa Tết Nguyên đán: 865 triệu đồng.
- Kinh phí ủng hộ lễ hội Hoa ban: 985 triệu đồng.
- Kinh phí ủng hộ để xây dựng Nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo (đã chuyển cho Quỹ Vì người nghèo của tỉnh Điện Biên): 15 tỷ đồng.
- Kinh phí ủng hộ thực hiện dự án nâng cấp Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ: 20 tỷ đồng.
- Nguồn thu công đức năm 2023 (*ghi thu ghi chi vào ngân sách nhà nước*): 75 triệu đồng.
- Nguồn thu ủng hộ đóng góp tại các huyện: 6 tỷ 802 triệu đồng.

II. Tổng thu ngân sách địa phương: 17 nghìn 998 tỷ 146 triệu đồng, đạt 134% dự toán Trung ương giao và 126% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 1 nghìn 454 tỷ 831 triệu đồng đạt 99% dự toán Trung ương giao và 63% Nghị quyết HĐND tỉnh giao, gồm:

- Thu NSDP hưởng 100%: 890 tỷ 076 triệu đồng;
- Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia: 564 tỷ 157 triệu đồng;
- Thu viện trợ không hoàn lại: 597 triệu đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương: 12 nghìn 684 tỷ 379 triệu đồng, đạt 106% dự toán Trung ương và Nghị quyết HĐND tỉnh giao, gồm:

- Bổ sung cân đối NSDP: 7 nghìn 599 tỷ 984 triệu đồng.
- Bổ sung có mục tiêu: 5 nghìn 084 tỷ 395 triệu đồng.

3. Thu chuyển nguồn: 3 nghìn 718 tỷ 086 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách tỉnh: 2 nghìn 720 tỷ 770 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 823 tỷ 596 triệu đồng.
- Ngân sách xã: 173 tỷ 719 triệu đồng.

4. Thu kết dư: 6 tỷ 706 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách tỉnh: 18 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 4.929 triệu đồng.
- Ngân sách xã: 1.759 triệu đồng.

5. Thu ngân sách cấp dưới nộp lên: 134 tỷ 144 triệu đồng, bao gồm:

- Thu nộp ngân sách tỉnh: 100 tỷ 718 triệu đồng.

- Thu nộp ngân sách huyện: 33 tỷ 426 triệu đồng.

B. TỔNG QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương là: **18 nghìn 002 tỷ 849 triệu đồng**, đạt 133% dự toán Trung ương giao và 126% Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Cụ thể theo chi tiết sau:

I. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 9 nghìn 458 tỷ 127 triệu đồng, bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển: 1 nghìn 215 tỷ 569 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước: **702 tỷ 475 triệu đồng**.
- Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: **457 tỷ 316 triệu đồng**.
- Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết: **27 tỷ 585 triệu đồng**.
- Chi đầu tư từ nguồn vốn khác (*tăng thu NSDP, ủng hộ đóng góp, tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuê đất*): **28 tỷ 194 triệu đồng**.

2. Chi thường xuyên: 8 nghìn 237 tỷ 289 triệu đồng, trong đó:

- Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề: **4 nghìn 062 tỷ 965 triệu đồng**, đạt 108% dự toán Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Nguyên nhân tăng so với dự toán giao đầu năm là do trong năm phân bổ kinh phí để thực hiện cải cách tiền lương do tăng mức lương cơ sở từ 1,49 lên 1,8 triệu đồng, các chính sách hỗ trợ cho học sinh, giáo viên và một số nhiệm vụ phát sinh.

- Chi khoa học và công nghệ: **15 tỷ 604 triệu đồng**, đạt 86% Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Nguyên nhân chưa đạt dự toán HĐND tỉnh giao là do kinh phí nghiên cứu khoa học của một số dự án chưa thực hiện được, phải chuyển nguồn sang năm sau.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 4 tỷ 269 triệu đồng.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1 tỷ đồng.

II. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia: 2 nghìn 088 tỷ 545 triệu đồng, bao gồm:

1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1 nghìn 089 tỷ 245 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 759 tỷ 424 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 329 tỷ 822 triệu đồng.

2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 820 tỷ 767 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 634 tỷ 121 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 186 tỷ 646 triệu đồng.

3. Chương trình MTQG nông thôn mới: 178 tỷ 532 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư: 150 tỷ 458 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 28 tỷ 074 triệu đồng.

III. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1 nghìn 989 tỷ 688 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn đầu tư: 1 nghìn 904 tỷ 019 triệu đồng, trong đó:

- Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài: **26 tỷ 420 triệu đồng.**
- Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước: **1 nghìn 871 tỷ 318 triệu đồng.**
- Vốn trái phiếu chính phủ: **6 tỷ 282 triệu đồng.**

2. Vốn sự nghiệp: 85 tỷ 669 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ thực hiện một số Đề án, Dự án khoa học và công nghệ: **1 tỷ 884 triệu đồng.**

- Vốn dự bị động viên: **7 tỷ 597 triệu đồng.**

- Kinh phí thực hiện Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp và chi hội trưởng hội phụ nữ giai đoạn 2019-2025: **230 triệu đồng.**

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông: **1 tỷ 677 triệu đồng.**

- Kinh phí quản lý bảo trì đường bộ: **49 tỷ 973 triệu đồng.**

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm báo chí, công trình văn học nghệ thuật: **1 tỷ 204 triệu đồng.**

- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: **19 tỷ 704 triệu đồng.**

- Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí; Chương trình phát triển công tác xã hội: **156 triệu đồng.**

- Đề án sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (Đề án 79): **3 tỷ 243 triệu đồng.**

IV. Chi chuyển nguồn sang năm sau: 4 nghìn 024 tỷ 849 triệu đồng, bao gồm:

1. Ngân sách tỉnh: **2 nghìn 830 tỷ 609 triệu đồng.**

2. Ngân sách huyện: **855 tỷ 880 triệu đồng.**

3. Ngân sách xã: **388 tỷ 360 triệu đồng.**

***Nguyên nhân**

- Tổng kinh phí thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 là **3 nghìn 248 tỷ 552 triệu đồng** bao gồm năm 2022 chuyển nguồn sang là **1 nghìn 054 tỷ 680 triệu đồng**, giao dự toán đầu năm 2023 là **2 nghìn 113 tỷ 938 triệu đồng**, giao bổ sung cuối năm 2023 là **79 tỷ 934 triệu đồng**. Kinh phí thực hiện lớn trong khi cơ chế thực hiện còn nhiều vướng mắc, một số nội dung chưa được hướng dẫn, quy định cụ thể nên gây khó khăn trong quá trình triển khai

thực hiện, dẫn đến kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024 là **1 nghìn 162 tỷ 403 triệu đồng** (trong đó: chuyển nguồn tạm ứng 204 tỷ 475 triệu đồng, chuyển nguồn dự toán theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 và 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội là 957 tỷ 928 triệu đồng).

- Đề án sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (Đề án 79) được phép kéo dài dự toán kinh phí thực hiện đến năm 2025: **151 tỷ 624 triệu đồng** (vốn sự nghiệp).

- Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội được phép chuyển nguồn sang năm 2024 theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội: **161 tỷ 425 triệu đồng** (trong đó có 60 tỷ đồng trung ương bổ sung mục tiêu cho địa phương vào cuối tháng 12 năm 2023).

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng nhiều dự án còn vướng mắc, đặc biệt là một số dự án lớn, dự án trọng điểm của tỉnh gây ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thi công dự án. Trách nhiệm của một số chủ đầu tư đối với công tác kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện các dự án đầu tư XDCB vẫn chưa sát sao, chỉ mới chú trọng giám sát đẩy nhanh tiến độ tại hiện trường mà chưa quan tâm đúng mức đến việc hoàn tất hồ sơ thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành tại KBNN để thanh toán khoản kinh phí đã tạm ứng theo quy định. Kinh phí chuyển nguồn tạm ứng vốn đầu tư (không kể 3 chương trình mục tiêu quốc gia) năm 2023 sang năm 2024 là **1 nghìn 052 tỷ 075 triệu đồng**.

- Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, kinh phí hỗ trợ triển khai thực hiện Đề án kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 được trung ương bổ sung vào cuối tháng 12 năm 2023, không kịp chi và được chuyển nguồn sang năm sau: **746 tỷ 380 triệu đồng**.

- Nguồn cải cách tiền lương còn dư năm 2023 chuyển năm 2024 là **29 tỷ 950 triệu đồng**; nguồn tăng thu thực hiện năm 2023 để cải cách tiền lương năm 2024: **21 tỷ 187 triệu đồng**.

- Tiền bán và thanh lý nhà thuộc sở hữu nhà nước, tiền thuê đất khu xây dựng trung tâm thương mại thuộc Dự án Trung tâm thương mại và Nhà ở thương mại thành phố Điện Biên Phủ (sau khi đã trừ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương): **73 tỷ 845 triệu đồng** dành để đầu tư xây dựng cho Khu trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên.

- Nguồn tăng thu các năm trước chuyển nguồn sang: **126 tỷ 139 triệu đồng** đã phân bổ thực hiện mua xe ô tô, chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và một số dự án đầu tư trong năm 2024.

- Số còn lại là nguồn thực hiện chính sách tiền lương, các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi, nguồn thu ủng hộ, đóng góp, kinh phí nghiên cứu khoa học, các khoản tăng thu, tiết kiệm chi đã được Hội đồng nhân dân các cấp phê duyệt phương án sử dụng ...

V. Chi nộp ngân sách cấp trên: 441 tỷ 641 triệu đồng, bao gồm:

1. Nộp trả ngân sách huyện: 33 tỷ 426 triệu đồng.

2. Nộp trả ngân sách tỉnh: 100 tỷ 718 triệu đồng.

3. Nộp trả ngân sách trung ương: 307 tỷ 497 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác còn dư, hết nhiệm vụ chi theo kết luận của Kiểm toán nhà nước: **301.761 triệu đồng.**

- Vốn ngân sách trung ương năm 2022 chưa giải ngân hết theo đề nghị của Bộ Tài chính: **5.359 triệu đồng.**

- Một số khoản kinh phí hết nhiệm vụ chi, địa phương rà soát nộp trả NSTW: **377 triệu đồng.**

***Nguyên nhân nộp trả ngân sách trung ương**

- Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành: **62.631 triệu đồng.** Nguyên nhân nộp trả chủ yếu do một số chính sách tuy được giao bổ sung trước ngày 30/9 nhưng các đơn vị không kịp chi trả trong tháng 12 của năm ngân sách, đặc biệt là các chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề được chi trả theo năm học. Một số chính sách địa phương không chi trả được do khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện, được chuyển nguồn từ các năm trước sang như: chính sách hỗ trợ tiền sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi (**18 tỷ 45 triệu đồng**); chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa (**7 tỷ 348 triệu đồng**).

Từ năm 2022 trở về trước, kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội còn dư được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện ở nội dung chi chuyển nguồn khác. Mặt khác, Nghị quyết số 91/2023/QH15 của Quốc hội yêu cầu quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn ngân sách nhà nước trong khi đó nguồn kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội không thuộc nội dung cụ thể được chuyển nguồn theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Do vậy địa phương phải thực hiện nộp trả ngân sách trung ương nội dung này.

- Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2021: **2 tỷ 489 triệu đồng.** Nội dung này đã được vào kiến nghị kiểm toán các năm trước, tuy nhiên do sai sót tên nội dung chương trình trong kết luận nên sau khi có thông báo điều chỉnh địa phương mới thực hiện nộp trả.

- Kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương: **238.410 triệu đồng**, bao gồm:

(1) Kinh phí thực hiện Đề án sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (Đề án 79): **183.457 triệu đồng.** Chủ yếu là Kế hoạch vốn năm 2021 trở về trước là **172.889 triệu đồng** do thời điểm đó Đề án 79 chưa được Thủ tướng chính phủ giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Mặt khác, các dự án thành phần của Đề án 79 thuộc nhóm C chỉ được phép triển khai thực hiện khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ (theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23/5/2021 của Thủ

trưởng Chính phủ). Do vậy kế hoạch vốn giao không giải ngân, thanh toán được phải nộp trả ngân sách trung ương theo quy định.

(2) Số kinh phí còn lại **54.953 triệu đồng** của Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La; vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực giai đoạn mới; vốn dự phòng ngân sách trung ương, ... chủ yếu do vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng nên không thực hiện được hết kế hoạch vốn giao, UBND tỉnh đã có văn bản xin kéo dài nhưng không được chấp thuận nên phải nộp trả theo quy định.

(3) Kinh phí chi sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: **3.967 triệu đồng** nộp trả ngân sách trung ương chủ yếu do hết nhiệm vụ chi.

VI. Giải pháp giảm chi chuyển nguồn, chi nộp ngân sách cấp trên

- Các cơ quan, đơn vị chủ động, thường xuyên phối hợp với cơ quan tài chính kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán giao. Chủ động sắp xếp nhiệm vụ chi thường xuyên, đặc biệt ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, đề xuất điều chỉnh các nhiệm vụ chi phù hợp đảm bảo sử dụng tối đa nguồn lực ngân sách nhà nước một cách hiệu quả.

- Yêu cầu các đơn vị chủ đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao; khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục quyết toán dự án hoàn thành gửi cơ quan tài chính thẩm tra, phê duyệt. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, cụ thể như sau:

(1) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện các dự án, đặc biệt là dự án chuyển tiếp và dự án dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch, đảm bảo tiến độ giải ngân kế hoạch vốn theo mục tiêu đề ra.

(2) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ các dự án.

(3) Thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán và giải ngân vốn cho nhà thầu ngay khi có khối lượng.

(4) Thực hiện nghiêm túc quy định của nhà nước trong việc tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, đặc biệt là xử lý số dư tạm ứng quá hạn, có biện pháp thu hồi dứt điểm, xử lý nghiêm đối với các vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

(5) Chủ động rà soát, đánh giá tiến độ giải ngân của từng dự án và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh kế hoạch vốn trong năm đối với các dự án vướng mắc, Dự án có tỷ lệ giải ngân thấp để điều chỉnh, phân bổ vốn cho các dự án có khối lượng, có nhu cầu bổ sung vốn và có tiến độ giải ngân nhanh khi tiếp nhận nguồn vốn bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn giao.

(6) Tăng cường công tác phối hợp giữa Chủ đầu tư với các Sở, ban, ngành và địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ về đầu tư xây dựng, đặc biệt trong công tác bồi thường, GPMB, điều chỉnh dự án, nhất là đối với các công trình, dự án trọng điểm được bố trí vốn lớn, chậm giải ngân.

C. BỘI CHI, KẾT DƯ NSDP

1. Bội chi NSDP: **42 tỷ 237 triệu đồng**.

2. Kết dư NSDP: **37 tỷ 534 triệu đồng**, trong đó:

- Kết dư ngân sách tỉnh: **1 tỷ 806 triệu đồng** (bao gồm: Kết dư chi đầu tư XDCCB: **1 tỷ 439 triệu đồng**; kết dư chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết: **82 triệu đồng**; kết dư chi thường xuyên: **285 triệu đồng**).

- Kết dư ngân sách huyện: **25 tỷ 354 triệu đồng** (bao gồm: Kết dư chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: **8 tỷ 941 triệu đồng**; kết dư chi thường xuyên: **16 tỷ 413 triệu đồng**).

- Kết dư ngân sách xã: **10 tỷ 374 triệu đồng** (trong đó: Kết dư chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: **2 tỷ 200 triệu đồng**; kết dư chi thường xuyên: **8 tỷ 173 triệu đồng**).

D. CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP: 5 tỷ 403 triệu đồng từ nguồn Chính phủ cho vay lại.

E. TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP: 47 tỷ 641 triệu đồng để:

1. Bù đắp bội chi: 42 tỷ 237 triệu đồng.

2. Trả nợ gốc: 5 tỷ 403 triệu đồng.

F. QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH KHỐI HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

I. Tổng thu ngân sách huyện, thị xã thành phố: 8 nghìn 770 tỷ 276 triệu đồng, đạt 126% Nghị quyết HĐND tỉnh giao, bao gồm:

1. Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp: **803 tỷ 670 triệu đồng**, đạt 143% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: **6 nghìn 929 tỷ 176 triệu đồng**, đạt 109% Nghị quyết HĐND tỉnh giao, bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối: **5 nghìn 148 tỷ 962 triệu đồng**.

- Bổ sung có mục tiêu: **1 nghìn 780 tỷ 214 triệu đồng**, tăng so với dự toán giao đầu năm là do trong năm ngân sách tỉnh thực hiện phân bổ và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, các chính sách an sinh xã hội và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác.

3. Thu chuyển nguồn: **997 tỷ 316 triệu đồng**.

4. Thu kết dư: **6 tỷ 688 triệu đồng**.

5. Thu ngân sách cấp dưới nộp lên: **33 tỷ 426 triệu đồng.**

III. Tổng chi ngân sách huyện, thị xã thành phố: 8 nghìn 734 tỷ 548 triệu đồng, đạt 126% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: **6 nghìn 341 tỷ 835 triệu đồng.**

- Chi đầu tư phát triển: **534 tỷ 296 triệu đồng.**

- Chi thường xuyên: **5 nghìn 807 tỷ 538 triệu đồng.**

2. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia: **1 nghìn 029 tỷ 788 triệu đồng.**

3. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: **34 tỷ 542 triệu đồng.**

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau: **1 nghìn 194 tỷ 240 triệu đồng.**

5. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: **134 tỷ 144 triệu đồng.**

IV. Kết dư ngân sách: 35 tỷ 728 triệu đồng, trong đó:

1. Kết dư ngân sách huyện: 25 tỷ 354 triệu đồng.

2. Kết dư ngân sách xã: 10 tỷ 374 triệu đồng.

Chi tiết thu, chi của từng huyện, thị xã, thành phố như sau:

1. Huyện Điện Biên

- Tổng thu ngân sách: **1 nghìn 174 tỷ 130 triệu đồng,** đạt 123% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng chi ngân sách: **1 nghìn 164 tỷ 905 triệu đồng,** đạt 122% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **9 tỷ 225 triệu đồng** (trong đó: kết dư chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 3 tỷ 933 triệu đồng; kết dư chi thường xuyên: 5 tỷ 292 triệu đồng).

2. Huyện Tuần Giáo

- Tổng thu ngân sách: **1 nghìn 115 tỷ 497 triệu đồng,** đạt 118% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng chi ngân sách: **1 nghìn 105 tỷ 341 triệu đồng,** đạt 116% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **10 tỷ 156 triệu đồng** (trong đó: kết dư chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1 tỷ 800 triệu đồng; kết dư chi thường xuyên: 8 tỷ 356 triệu đồng).

3. Huyện Mường Ảng

- Tổng thu ngân sách: **687 tỷ 860 triệu đồng,** đạt 120% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng chi ngân sách: **687 tỷ 833 triệu đồng,** đạt 120% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **28 triệu đồng** (kết dư chi thường xuyên).

4. Huyện Mường Chà

- Tổng thu ngân sách: **909 tỷ 569 triệu đồng**, đạt 128% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng chi ngân sách: **905 tỷ 281 triệu đồng**, đạt 128% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **4 tỷ 288 triệu đồng** (trong đó: kết dư chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 652 triệu đồng; kết dư chi thường xuyên: 3 tỷ 636 triệu đồng).

5. Huyện Tủa Chùa

- Tổng thu ngân sách: **749 tỷ 293 triệu đồng**, đạt 127% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng chi ngân sách: **744 tỷ 279 triệu đồng**, đạt 126% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **5 tỷ 014 triệu đồng** (kết dư chi thường xuyên).

6. Huyện Mường Nhé

- Tổng thu ngân sách: **976 tỷ 527 triệu đồng**, đạt 128% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng chi ngân sách: **976 tỷ 524 triệu đồng**, đạt 128% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **3 triệu đồng** (kết dư chi thường xuyên).

7. Huyện Điện Biên Đông

- Tổng thu ngân sách: **977 tỷ 612 triệu đồng**, đạt 120% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng thu ngân sách: **977 tỷ 532 triệu đồng**, đạt 120% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **80 triệu đồng** (kết dư chi thường xuyên).

8. Thành Phố Điện Biên Phủ

- Tổng thu ngân sách: **1 nghìn 034 tỷ 747 triệu đồng**, đạt 148% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng thu ngân sách: **1 nghìn 028 tỷ 188 triệu đồng**, đạt 147% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **6 tỷ 559 triệu đồng** (trong đó: kết dư chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 4 tỷ 756 triệu đồng; kết dư chi thường xuyên: 1 tỷ 803 triệu đồng)..

9. Thị xã Mường Lay

- Tổng thu ngân sách: **183 tỷ 774 triệu đồng**, đạt 123% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng thu ngân sách: **183 tỷ 529 triệu đồng**, đạt 123% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **246 triệu đồng** (kết dư chi thường xuyên).

10. Huyện Nậm Pồ

- Tổng thu ngân sách: **961 tỷ 267 triệu đồng**, đạt 130% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Tổng thu ngân sách: **961 tỷ 137 triệu đồng**, đạt 130% Nghị quyết HĐND tỉnh giao.

- Kết dư ngân sách: **130 triệu đồng** (kết dư chi thường xuyên).

G. KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Các kiến nghị tăng thu, giảm chi ngân sách nhà nước của Kiểm toán nhà nước tại Công văn số 112/KTNN-TH ngày 18/7/2024 đã được thực hiện và tổng hợp trong quyết toán ngân sách địa phương.

2. Số liệu quyết toán thu chi ngân sách địa phương có sự chênh lệch so với số Kiểm toán nhà nước xác định, nguyên nhân chủ yếu là do dự án bạn hữu trẻ em tỉnh Điện Biên giai đoạn 2022-2026 được Bộ Tài chính cho phép chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 tại công văn số 8719/BTC-QLN ngày 19/8/2024 làm tăng số thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, tăng số chi chuyển nguồn ngân sách địa phương; Ngoài ra sau thời điểm kiểm toán phát sinh một số nội dung nộp trả kinh phí hết nhiệm vụ chi (ngoài số Kiểm toán nhà nước kết luận), điều chỉnh số liệu chi chuyển nguồn làm cho số liệu thu chi và kết dư ngân sách thay đổi so với thời điểm kiểm toán.

(Chi tiết số liệu tại các biểu 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64 và biểu giải trình chênh lệch so với số KTNN)

Trên đây là báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét và phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- HĐND tỉnh
- TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: LĐVP, KT, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đức Toàn